

SỐ 1747

KINH VÔ LƯỢNG THỌ TÔNG YẾU

Thích Nguyên Hiểu soạn.

Muốn nói về yếu chỉ kinh, loại hai quyển thì lược chia làm bốn môn:

1. Trước nói đại ý lời dạy.
2. Trình bày lược tông chỉ của kinh.
3. Nêu người để phân biệt.
4. Giải thích theo văn.

Nói đại ý: Vì tâm tánh chúng sinh, dung thông vô ngại, rộng lớn như hư không thể tánh bình đẳng, không có sự khác nhau nào thật có, vì sao có chỗ tịnh chỗ chỗ uế. Giống như biển lớn, tánh nó thấm ướt, có công năng tùy duyên không trái, há không có lúc động tịnh, chính là bị mê hoặc bởi gió trần, đắm chìm trong năm thứ vẩn đục mà chuyển theo, chìm theo sóng khổ mà trôi dài, hoặc nương gốc lành cắt đứt bốn dòng để không trở lại, đến bờ kia được vắng lặng hoàn toàn, như động tĩnh này đều là giấc mộng lớn, nói theo giấc ngộ thì không đây không kia, cõi uế cõi tịnh, xưa nay nhất tâm, sinh tử Niết-bàn, không phải hai bờ, nhưng trở về nguồn đại giác, thì chứa nhóm công đức mới được, các chúng sinh lại đui theo giấc mộng dài, không thể mau khai ngộ.

Sở dĩ bậc Thánh để lại dấu vết, có gần có xa, nên bày ra lời dạy, hoặc khen hoặc chê, còn như Đức Phật Thích-ca hiện ở cõi Ta-bà này, răn cấm năm điều ác để khuyên tu điều lành, Đức Phật Di-đà ở cõi An dưỡng dắt dẫn ba bậc đều đưa về vắng sinh, các thứ này là dấu vết tạm, không thể trình bày đầy đủ. Nay kinh này chính là cách ngôn của tạng

giáo Bồ tát, là sách chính về nhân quả ở cõi Phật. Nói về bí mật sâu xa của hạnh nguyện, hiện sự lâu dài của quả đức, mười tám viên tịnh, vượt qua ba cõi để dứt bật, năm căn tướng tốt, ngang với cõi trời thứ sáu mà không nối tiếp, quý trọng pháp vị, nuôi dưỡng thân tâm, đâu bị khổ sáng đối tối khát, rừng ngọc gió thơm, ấm mát thường thích hợp, vốn không lo đông lạnh hạ nóng. Các vị cùng nhau nhóm họp, khi tắm thì có ao sen tám đức, do đó kéo dài sự trong sạch riêng biệt này đáng nhằm chán, bạn tốt theo nhau, dạo khắp cõi Phật mười phương, xua đi những nỗi lo buồn, hướng chỉ lại nghe âm hưởng của pháp, nhập vào vô tướng, thấy ánh sáng Phật ngộ vô sinh, vì ngộ vô sinh nên không chỗ nào không sinh, vì vào vô tướng nên chẳng chỗ nào vô tướng, rất thanh tịnh rất an vui, chẳng phải tâm ý cứu độ không chừng hạn, đâu thể dùng lời nói hết được, chỉ có thể nói cho năm người, Phật là bậc thượng thủ, trong y báo chánh báo, tuổi thọ lâu dài làm chính, cho nên nói kinh Phật thuyết Vô Lượng Thọ, giả như một trục kia không đủ khai tâm, cho đến ba thứ kia có hai tay khác.

Nay kinh này có thượng hạ, không thiếu không dư, thích hợp với bàn tay quý, nói quyền thượng, nên nói là kinh Phật thuyết Vô Lượng Thọ, quyền thượng.

Thứ hai, lược bớt tông chỉ, kinh này lấy nhân quả Tịnh độ làm tông thể, nhiếp chúng sinh vãng sinh làm ý chỉ, tuy là nêu chung nhưng trong phần phân biệt trước giải thích rõ quả đức, sau hiển bày nhân hạnh, trong quả đức lược có bốn môn:

1. Môn Tịnh bất tịnh.
2. Môn Sắc, Vô Sắc.
3. Môn Cộng bất cộng.
4. Môn Lưu vô lưu.

- Thứ nhất nói về môn tịnh bất tịnh: Lược dùng bốn cặp để hiển bày lối đi xuống, nghĩa là nhân và quả đối nhau, một bề và bất một bề đối nhau, thuận và tạp đối nhau, chánh định và phi chánh định đối nhau. Một là nói về môn đối nhau giữa nhân và quả, nghĩa là Kim cương lấy sở trụ trở lại của Bồ-tát gọi là cõi quả báo, không gọi là Tịnh độ, chưa khỏi quả báo của khổ đế, chỉ có chỗ ở Phật mới gọi là Tịnh độ, tất cả nỗi lo sợ diệt trừ không còn dư sót, theo nghĩa này, kinh Nhân Vương dạy: Ba hiền mười thánh trụ quả báo, chỉ có Phật ở Tịnh độ, tất cả chúng sinh trụ báo, lên nguồn Kim cương, trụ ở Tịnh độ.

- Hai là một bề và bất một bề đối nhau, nghĩa là Bồ-tát trụ Bát địa trở lên được gọi là Tịnh độ, dùng một bề để ra khỏi ba cõi, cũng có

nghĩa bốn câu một hương, thất địa trở xuống thì tất cả chỗ ở, chưa gọi là Tịnh độ, vì chẳng phải một bề ra khỏi ba cõi, hoặc nương nguyện lực ra khỏi ba cõi, một bề bốn trường hợp không đầy đủ gọi là một bề tịnh, một bề lạc, một bề thất, một bề tự tại. Thất địa trở xuống khi xuất quán, hoặc khi sinh khởi quả báo tâm vô ký, khi ấy bốn hoặc của mặt-na thường hiện hành, cho nên chẳng phải một bề tịnh, chẳng phải một bề vô thất (không mất) Bát địa trở lên thì không như thế, theo nghĩa này. Nhiếp Đại Thừa chép rằng: ra khỏi pháp lành xuất thế, sinh khởi công năng. Giải thích rằng: Điều lành của nhị thừa thuộc về xuất thế, từ Bát địa trở lên, cho đến Phật địa, gọi là ra khỏi xuất thế, pháp xuất thế gọi là đối trị thế pháp. Pháp ra khỏi xuất thế là đối trị pháp xuất thế, công năng lấy bốn duyên làm tướng, theo công năng ra khỏi pháp lành xuất thế, sinh khởi Tịnh độ này, nên không lấy tập đế làm nhân, cho đến nói rộng.

- Ba là Thuần và tạp đối nhau. Phạm phu và Nhị thừa ở chung nhau, không được gọi là thế giới thanh tịnh, chỉ vào chỗ sinh của Bồ-tát Đại Địa, mới được gọi là thế giới thanh tịnh, kia chẳng phải thuần tịnh, thuần tịnh ở đây theo nghĩa này. Luận Du-già chép: Thế giới vô lượng có hai thứ, là tịnh và bất tịnh, trong thế giới thanh tịnh, không có Địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, cũng không có cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô sắc, thuần là chúng Bồ-tát trụ trong đó, nên gọi là thế giới thanh tịnh. Đã vào đệ tam địa của Bồ-tát, do nguyện lực nên thọ sinh cõi kia, không có dị sinh và chẳng phải dị sinh cùng Thanh văn, Duyên giác, nếu chẳng phải Bồ-tát dị sinh được sinh về cõi kia, giải rằng: Địa thứ ba này là địa Hoan hỷ, vì bảy loại Bồ-tát địa môn. Thứ ba là Tịnh Thắng Ý lạc địa, nhiếp mười ba vị, lập thành bảy địa, đầy đủ như trong luận ấy nói.

- Bốn là Chánh định và phi chánh định đối nhau: Nơi ba nhóm chúng sinh sinh khởi, đây là cõi uế, chỉ là chỗ ở của nhóm Chánh định, gọi là Tịnh độ, trong đó cũng có bốn quả Thanh văn, cho đến lại có bốn loại phạm phu nghi ngờ, chỉ không có nhóm tà định và bất định.

Nay kinh này nói cõi Vô Lượng Thọ, lại môn thứ tư gọi là Tịnh độ, sở dĩ như thế, vì muốn chứa hết Đại Tiểu, dắt dẫn cả phạm và Thánh đều sinh về thắng xứ, đồng đến đại đạo. Như văn sao nói. Nếu khi ta thành Phật, mà nhân dân trong nước không trụ trong nhóm chánh định cho đến diệt độ, thì ta không thành Chánh giác. Lại nói nếu khi ta thành Phật, Thanh văn trong nước, mà có thể tính đếm biết được số lượng thì ta không thành Chánh giác, cho đến nói rộng. Lại trong Quán kinh nói,

sinh cõi kia rồi, được quả A-la-hán v.v... cho đến nói rộng luận thuyết rằng: Người nữ và người thiếu căn, hạt giống Nhị thừa không vãng sinh, thuyết này quyết định chủng tánh nhị thừa, chẳng phải gọi là Thanh văn căn tánh bất định, vì ở đây nói gọn là hạt giống nhị thừa, do nghĩa này không trái nhau. Lại nói người nữ và kẻ thiếu căn, khi sinh về cõi kia thì chẳng phải người nữ và chẳng thiếu căn, chẳng phải người nữ này không được vãng sinh, như bà Vy-đề-hy mà được vãng sinh. Kinh Cổ Âm Vương Đà-la-ni nói rằng: Phật A-di-đà, cha tên là Nguyệt Thượng là vua Chuyển luân, mẹ ngài là Thù Thắng Diệu Nhân v.v..., cho đến nói rộng, là nói hóa độ mà Phật cư trú. Luận nói là cõi thọ dụng, do lý này nên không trái nhau.

Bốn môn trên nói Tịnh độ đều là sự thành tựu hạnh nguyện Như lai, chẳng phải người sinh cõi kia, tự lực đã xong, không như cõi uế ngoài khí thế giới, chỉ do cộng nghiệp của chúng sinh tạo thành, cho nên gọi chung là Thanh tịnh độ. Thứ hai nói về môn hữu sắc vô sắc, như trước đã nói trong bốn môn, thì một môn đầu là hiển bày cõi tự thọ dụng, ba môn sau nói về cõi tha thọ dụng, ba môn hữu sắc, không đời bàn luận, cõi tự thọ dụng, lời nói khác nhau, hoặc tự nói, thân tự thọ dụng, xa lìa hình sắc, pháp tánh Tịnh độ, là nơi sở trụ, cho nên đều không sắc tướng thật có, như kinh Bốn Nghiệp chép: Phật tử quả thể đầy đủ, đức đều đủ khắp, lý đều bao trùm, ở đệ nhất nghĩa đế trung đạo, cõi nước thanh tịnh vô cực, vô danh vô tướng, chẳng phải tất cả pháp thật có, chẳng phải hữu thể, chẳng phải vô thể, cho đến nói rộng. Luận Khởi Tín chép: Các Đức Phật Như lai chỉ là thân pháp thân trí tướng, nghĩa đế bậc nhất, không có cảnh giới thế đế, xa lìa tạo tác, chỉ tùy chúng sinh thấy nghe đều được lợi ích nên nói là dụng, dụng này có hai thứ:

1. Sự thấy biết của tâm phàm phu nhị thừa gọi là Ứng thân.
2. Các Bồ-tát từ Sơ phát ý (mới phát tâm) cho đến Bồ tát địa cứu cánh, thấy được tâm gọi là báo thân.

Theo văn này, nên biết sự thấy có sắc tướng... đều được thân tha thọ dụng, nói trong tự thọ dụng vô sắc, vô tướng. Hoặc có thuyết nói thân tự thọ dụng, có sắc vi diệu không chướng ngại, cõi sở y kia, đều có cảnh giới sáu trần hấp dẫn, như kinh Tát-già Ni-kiền-tử nói rằng: Thân Pháp tánh của Phật, diệu sắc thường vắng lặng, thân pháp tánh như thế, chúng sinh vô biên v.v... Kinh Hoa Nghiêm chép: Khi Như lai Chánh Giác thành Bồ-đề, được nhất thiết chúng sinh đặng thân, được nhất thiết pháp đặng thân, cho đến được nhất thiết hành giới đặng thân, đắc tịch tĩnh Niết-bàn giới đặng thân, Phật tử tùy thân sở đắc của Như lai, nên

biết âm thanh và tâm vô ngại cũng giống như thế, Đức Phật có đủ ba thứ thanh tịnh vô lượng như vậy. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: Ở cõi Tịnh độ không có các sự sợ hãi, pháp do sáu căn thọ dụng thấy đều có đủ, lại chẳng phải chỉ là có tất cả điều thọ dụng đầy đủ, tối thắng không ai bằng, là phước đức trí tuệ của Như lai nhân hạnh tròn đủ, cảm báo thù thắng của Như lai làm chỗ y chỉ, cho nên tối thắng.

Theo những đoạn văn này, nên biết do nhân tròn đầy chiêu cảm tự thọ dụng thân là y chỉ của sáu trần.

Có thuyết chép: Hai ngài nói đều có lý, giống với kinh thường không thể sai trái. Pháp môn của Phật không chướng ngại, sở dĩ như vậy vì cõi nước Báo thân Phật, lược có hai môn, nếu pháp môn cùng quy về chánh pháp, như ngài Chi Khiêm đã nói, nhưng theo môn từ tánh thành đức, như ngài Bạch Diên chép: Dẫn trong kinh Luận, nói theo pháp môn nên không trái nhau. Đây là môn sắc, vô sắc thứ hai. Kế thứ ba nói về môn cộng bất cộng, nói theo tướng chung, thì cõi có hai thứ; một là cõi trong, hai là cõi ngoài. Nói cõi ngoài là quả cộng, nói cõi trong là quả bất cộng. Cõi trong cũng có hai: Một là chúng sinh năm ấm làm cõi chánh báo, chỗ ở của loài người gọi là cõi. Hai là Thánh trí xuất thế gọi là cõi Thật tri, vì có thể giữ gìn trí hậu đắc, dựa vào trí căn bản để xa lìa điên đảo, như Quán kinh nói: Cõi là tên gọi chỗ ở của tất cả Hiền Thánh, cho nên tất cả chúng sinh, Hiền Thánh mỗi vị tự mình có cõi riêng theo quả báo.

Như chúng sinh phàm phu trụ trong năm ấm là cõi chánh báo, núi rừng, đất đai cùng có là cõi y báo. Các bậc Thánh Sơ địa cũng có hai cõi: Một là cõi thật trí, tiền trí trụ hậu trí làm cõi. Hai là biến hóa tịnh uế, số lượng nhiều kiếp, là cõi ứng hiện, cho đến cõi Vô cấu địa cũng giống như thế. Tất cả chúng sinh, cho đến Vô Cấu Địa tất cả đều chẳng phải Tịnh độ, trụ quả báo, tuy nhiên nói chung, phân biệt cõi chánh báo. Nghĩa quả bất cộng lại không khác thuyết cõi y báo là quả cộng, các thuyết khác nhau, hoặc có thuyết nói như núi sông v.v... chẳng phải là cực nhỏ hiệp thành, thật có một thể nhiều nhân cùng cảm, chính là loài hữu tình khác tạo thành các thứ biến hóa, cùng chỗ giống nhau, không chướng ngại nhau, như các đèn sáng, như nhiều nhân để mộng, nhân thì đồng, quả tướng giống nhau, nơi chốn không khác, đều là giả danh, thật mỗi thứ có khác. Tịnh độ các Đức Phật nên biết cũng thế, như thức biến khác đều khắp pháp giới, cùng chỗ giống nhau, nói tên là cùng, thật chẳng phải cùng. Nếu có một cõi, chẳng theo thức khác, liền thành ngoài tâm, chẳng phải lý Duy thức, như kinh Giải Thâm Mật nói, ta nói

thức sở duyên, chính là duy thức biến hiện.

Luận Duy Thức chép: Nghiệp huân tập trong thức chấp quả sinh ở ngoài, nhân nào nơi huân tập, trong đó không nói quả hoặc có người nói, quả y báo Tịnh độ, tuy không là thức, mà thức là khác, tướng cõi là một, do biệt thức kia cùng tạo thành như nắm bốn thứ bụi để thành một trụ, tướng của một trụ không là bốn vi, chẳng tùy bốn vi thành bốn trụ, nên biết trong đây đạo lý cũng thế, ở trong cõi tự thọ dụng, Phật và các Đức Phật cùng có một cõi, cũng như pháp thân, các Đức Phật cùng nương ở trong đó, nếu nói về tướng cõi tha thọ dụng, Phật và các Bồ-tát cùng có, như vua và quan cùng có một nước, lại hai cõi thọ dụng cũng chẳng phải thể khác, như hành giả quán, quán đá là ngọc, người không thông minh, cũng thấy là đá, đá và ngọc tướng khác, mà chẳng phải khác thể, hai cõi cùng chỗ, nên biết cũng thế.

Như kinh Giải Thâm Mật nói, sở hành của Như lai có gì khác với cảnh giới Như lai? Phật nói, Như lai sở hành nghĩa là Nhất thiết chủng, Như lai cùng có vô lượng các công đức, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, cảnh giới Như lai nghĩa là Nhất thiết chủng, năm cõi khác nhau nên gọi thế giới hữu tình, thế giới, pháp giới, điều phục giới, điều phục phương tiện giới, giải rằng, ở đây nói cõi tự thọ dụng, các Đức Phật cùng có, chẳng phải mỗi cõi khác nhau. Luận Duy già chép: Các vật như tướng v.v... hoặc do bất cộng phân biệt làm nhân, hoặc do cộng phân biệt làm nhân, như chỗ khởi cộng phân biệt, phân biệt tuy không do phân biệt khác trụ trì, nên không diệt mất hẳn, nếu không như thế, phân biệt khác nên không có quả kia, kia tuy không diệt, nên được thanh tịnh ở trong việc kia, chính là thấy thanh tịnh.

Thí như rất nhiều hành giả tu quán, đối với một việc, do định tâm nên các thứ dị kiến đáng được, kia cũng giống như thế, giải rằng, đây nói y báo không tùy thức khác, nếu người chấp quả cộng tùy thức khác, quả ta tuy diệt, quả người khác vẫn còn, tức tha phân biệt, chẳng phải không khác, kia không thể chung văn này.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói, lại, thọ dụng như là Tịnh độ, một bề thanh tịnh, một bề an lạc, một bề vô thất, một bề tự tại. Giải thích rằng; thường không tạp uế nên nói một bề sạch, chỉ thọ vui nhiệm mầu, không khổ không xả, nên nói một bề vui, chỉ là thật thiện, vô ác vô ký, nên nói một bề không lỗi, tất cả việc đều không quán duyên khác, đều do tư tâm tạo thành, nên nói một bề tự tại, lại theo đại tịnh nói là một bề thanh tịnh, nương rất vui gọi là một bề vui, y vào đại thường nói một bề không lỗi, y vào đại ngã nói một bề tự tại, giải thích rằng trong đây

ở phần đầu lại hiển bày nghĩa tha thọ dụng, sau lại hiển bày nghĩa tự thọ dụng, nghĩa tuy khác nhau mà cõi không khác. Cho nên luận này chỉ nói một thuyết, nên biết hai cõi, cũng chẳng phải khác thể.

Hỏi: Hai thuyết ấy, thuyết nào đúng thuyết nào sai?

Đáp rằng: Nếu chấp lấy lời nói, thì không thành lập, dùng nghĩa để hiểu, đều có đạo lý.

Đây là môn cộng bất cộng thứ ba. Kế thứ tư nói về môn lậu vô lậu, lược có hai câu: Một là gom chung các pháp, hiển bày nghĩa lậu vô lậu, hai là nói riêng về Tịnh độ, nói về tướng lậu vô lậu, trước là môn chung.

Luận Du-già chép: Hữu lậu, vô lậu đều có năm môn, Hữu lậu có năm là: Một là do sự; hai là tùy miên; ba là Tương ưng; bốn là sở duyên; năm là sinh khởi. Vô lậu cũng có năm: Một là lia các trói buộc; hai là dứt bỏ phiền não; ba là đoạn diệt; bốn là đối trị kiến sở đoạn, tự tánh nối tiếp giải thoát; năm là đối trị tu sở đoạn, tự tánh nối tiếp giải thoát, những điều trong đó như kia rộng nói.

Nay tạo thành bốn câu, lược bày tướng kia, một là hữu pháp, một bề hữu lậu, nghĩa là các tâm nhiễm ô, pháp tâm sở... do nghĩa tương ưng, là hữu lậu mà không có tướng năm thứ vô lậu. Hai là hữu pháp, một bề vô lậu, nghĩa là khi kiến đạo, pháp tâm, tâm sở..., do có nghĩa tự tánh giải thoát, nhưng không có năm thứ hữu lậu. Ba là hữu pháp, vừa hữu lậu vừa vô lậu, nghĩa là quả báo của tâm vô ký, pháp tâm sở... phiền não trói buộc, các ràng buộc chia lia, tuy là vô lậu, nhưng đó là khổ đế, do nghiệp phiền não sinh khởi. Bốn là hữu pháp (chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu) nghĩa là pháp sâu xa, không rơi vào số, kế là trong phần nói khác, cũng có hai môn: Một là môn có phạm vi giới hạn; hai là môn Vô Chương ngại.

Về môn Hữu phần tế, lại các Đức Phật ở Tịnh độ, trong bốn câu chỉ có hai câu. Y theo môn hữu sắc hữu tâm, tức một bề là vô lậu, nghĩa tự tánh nối tiếp giải thoát, xa lia tướng năm thứ hữu lậu. Nếu môn phi sắc phi tâm, tức chẳng phải hữu lậu, cũng chẳng phải vô lậu, phi hữu phi vô nên lia tướng lia tánh, nếu lại Bồ-tát cũng có hai câu, vừa luận hai trí, hiển rõ Tịnh độ, một bề vô lậu, thuộc về đạo đế, như Nhiếp Luận nói, trí duy thức của Như lai và Bồ-tát, vô tướng vô công dụng, nên nói thanh tịnh, lia tất cả chương, không có lui sụt, nên nói tự tại. Trí Duy thức này là thể Tịnh độ, không dùng khổ đế làm thể, cho đến nói rộng, nếu lại nói Môn bốn thức thay đổi cũng là vô lậu, vì chẳng phải do hữu lậu trong ba cõi sinh khởi, ưa cõi vô lậu, cho nên vô lậu, vô minh trụ

địa là nhân duyên xuất phát, gọi quả báo độ là hữu lậu, tuy cũng vô lậu nhưng là thế gian, đối với môn bốn đế vô tác thuộc về quả báo khổ đế, như kinh nói, Ba hiền mười Thánh trụ quả báo.

Luận Bảo Tánh chép: Theo cõi vô lậu, có ba thứ thân ý sinh, nên biết nhân kia tạo thành gốc lành vô lậu gọi là thế gian, do xa lìa các nghiệp phiền não hữu lậu, tạo thành pháp thế gian, cũng gọi Niết-bàn theo nghĩa này, kinh Thắng-man chép: Thế tôn có thế gian hữu vi, có thế gian vô vi, có Niết-bàn hữu vi, có Niết-bàn vô vi, nên trong đây nói thân ý sinh, chính là thức A-lại-da, biến hiện chánh báo, chánh báo đã như thế, y báo cũng thế, đồng là sự biến chuyển của bốn thức, nhưng thức A-lại-da này biến hiện cõi nước và cùng hai trí hiện thành Tịnh độ, tuy thuộc về khổ đế và đạo đế, nhưng không khác thể tùy nghĩa nhiếp khác, như tha phân biệt giữ gìn cõi uế, người được thanh tịnh thì thấy là tịnh, tịnh uế tuy khác mà thể chẳng khác, nên biết hai nghĩa ở đây cũng thế.

Đây tóm lại có thuyết môn có giới hạn phạm vi, tiếp nối thuyết môn vô chương ngại, nên tạo bốn trường hợp: Một là thân và cõi của các Đức Phật, đều là hữu lậu, không lìa tất cả các lậu, như kinh nói rằng: Chư Phật an trụ vào ba độc bốn lậu v.v... đối với tất cả phiền não mà chứng được đạo quả A-nậu Bồ-đề, cho đến nói rộng; hai là cõi thân phàm phu, đều là vô lậu, do lìa tất cả các lậu tánh, như kinh nói rằng, sắc vô lậu không trói buộc, thọ, tưởng, hành, thức, vô lậu không trói buộc, cho đến nói rộng; ba là tất cả phàm thánh, uế độ, Tịnh độ vừa là hữu lậu, vừa là vô lậu, hai môn ở trước không lìa nhau. Bốn là tất cả phàm thánh, uế độ, Tịnh độ, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, do tánh không trói buộc và tánh giải thoát, nên theo kinh nói: Sắc vô phược vô thoát, thọ tưởng hành thức vô phược vô thoát, cho đến nói rộng.

Đây là môn hữu lậu vô lậu thứ tư. Bốn môn trên hiệp thành quả Tịnh độ thứ nhất đã xong. Thứ hai nói về nhân Tịnh độ, nhân của Tịnh độ, có hai đường: Một là Nhân Thành biện; hai là Nhân Vãng sinh. Nhân thành biện, các thuyết đều khác nhau, hoặc có thuyết nói xưa nay pháp vô lậu hạt giống như thế, ba vô số kiếp tu khiến thêm rộng, là Tịnh độ này biến hiện sinh nhân. Như Luận Du-già chép: Đọa vào địa ngục (Na-lạc-ca) hạt giống ba gốc vô lậu thành tựu, theo đây nên biết cũng có hạt giống vô lậu Tịnh độ, hoặc có thuyết chép: Hạt giống mới sinh do hai trí huân tập, làm sinh nhân về tịnh độ kia.

Như Nhiếp Luận chép: Từ khi xuất phát công năng pháp lành xuất thế sinh khởi Tịnh độ, người nào ra khỏi pháp lành xuất thế, trí vô phân

biệt, vô phân biệt hậu đắc, sinh khởi gốc lành là xuất hiện pháp lành xuất thế, vì vốn có nên chẳng phải sở sinh, đã là sở sinh, nên biết là mới thành.

Hỏi: Hai thuyết ấy thuyết nào là thật.

Đáp: Đều y vào thánh điển, có gì không thật, những điều trong đó, như trong Lăng-già kinh Liễu giải chép: Kế là nói nhân vãng sinh, tất cả các nhân nói về vãng sinh chẳng phải ngay đó có thể chiêu cảm chánh báo trang nghiêm, cũng được cảm đầy đủ y báo Tịnh độ, chỉ nương năng lực bốn nguyện của Như lai, tùy cảm thọ dụng, chẳng phải thành tựu năng lực nghiệp nhân tự mình nên nói là nhân vãng sinh, tướng nhân này, kinh luận nói khác nhau, nếu theo Quán kinh nói thì có mười sáu phép quán.

Trong Luận Vãng Sinh nói hạnh năm môn, nay y vào kinh này, nói nhân ba bậc, nhân bậc thượng, nói có năm câu: Một là Xả nhà bỏ tục mà làm Sa-môn, đây nói về sự phát khởi chánh nhân phương tiện; hai là Phát tâm Bồ-đề, là nói về chánh nhân; ba là Chuyên niệm đức Phật kia, là nói về tu quán; bốn là Làm các công đức là nói về khởi hạnh. Quán và hạnh đây là giúp mãn nghiệp; năm là nguyện sinh về nước kia. Nguyện này là nguyện, bốn câu trước là hạnh, hạnh nguyện hòa hiệp thì được vãng sinh. Trong bậc trung, nói có bốn câu: Một là Không thể làm Sa-môn, thì nên phát tâm Bồ-đề Vô thượng, đây là nói về chánh nhân; hai là Chuyên niệm danh hiệu Phật Di-đà; ba là tu một số điều lành. Hạnh và quán này là giúp cho mãn nghiệp; bốn là nguyện sinh về nước kia. Nguyện này và hạnh trước hòa hiệp làm nhân.

Trong bậc hạ, nói hai hạng người, trong hai hạng người, mỗi hạng có ba câu. Hạng người thứ nhất có ba: Một là nếu không thể làm các công đức thì phải phát tâm Bồ-đề Vô thượng, đây nói về chánh nhân; hai là dù chỉ mười niệm, chuyên niệm Phật kia, là giúp cho mãn nghiệp; ba là nguyện sinh về cõi nước kia, nguyện này và hạnh trước hòa hiệp làm nhân, là nói về người bất định tánh. Trong người thứ hai có hai trường hợp: Một là nghe pháp sâu xa, vui mừng tin ưa, câu này gồm hiển bày chánh nhân phát tâm, chỉ khác với hạng người trước là nêu tâm tin sâu kia; hai là dù chỉ một niệm, niệm đức Phật kia, cũng giúp cho mãn nghiệp, là hiển bày người trước không tín sâu, thì phải mười niệm, người này có tâm tín sâu, chưa hẳn đầy đủ mười niệm; ba là cho đến thành tâm, nguyện sinh về nước kia, nguyện này và hạnh trước hòa hiệp làm nhân.

Đây là người có chủng tánh Bồ-tát, kinh nói như thế, nay văn này

nói lược về việc vãng sinh kia, trong đó có hai, trước nói về chánh nhân, sau hiển bày trợ nhân, kinh đã nói chánh nhân nghĩa là tâm Bồ-đề, nói phát tâm Bồ-đề Vô thượng, là không mong sự giàu sang, vui sướng của thế gian và Niết-Bàn của Nhị thừa, một mặt chí nguyện ba thân Bồ-đề, đây gọi là tâm Bồ-đề Vô thượng, tuy nhiên nêu chung trong đó có hai. Một là tùy sự phát tâm; hai là thuận theo lý phát tâm. Nói tùy sự là vô số phiền não nguyện đều dứt hết, vô lượng pháp lành, nguyện đều tu hành, chúng sinh vô biên nguyện đều độ hết.

Đối với ba việc này, quyết định trông mong. Ở đầu là chánh nhân đoạn đức của Như lai, kế là chánh nhân trí đức của Như lai. Tâm thứ ba là chánh nhân ân đức, ba đức hiệp lại thành quả Bồ-đề Vô thượng, tức là ba tâm, tóm lại là nhân Bồ-đề Vô thượng, nhân quả tuy khác, rộng xa bằng nhau, bình đẳng không bỏ sót, thấy đều bao trùm. Như kinh nói, phát tâm rốt ráo có hai không khác, như hai tâm này, tâm trước khó, tự mình chưa được độ trước đây độ người, cho nên ta đành lẽ trước phát tâm, quả báo tâm này tuy là Bồ-đề, nhưng hoa báo kia thì ở tịnh độ.

Sở dĩ như vậy, vì tâm lượng Bồ-đề, rộng lớn vô biên, lâu xa vô hạn, nên có thể cảm nhận được sự rộng lớn không bờ mé của y báo ở Tịnh độ, tuổi thọ chánh báo lâu xa vô lượng, trừ tâm Bồ-đề, không gì có thể sánh bằng, nên nói tâm này là chánh nhân kia, là nói về tùy sự phát tướng tâm. Nói về thuận lý mà phát tâm là tin hiểu các pháp đều như mộng huyễn, chẳng phải có, chẳng phải không, lià ngôn ngữ, bất suy nghĩ, nương vào tin hiểu này mà phát tâm rộng lớn, tuy không thấy có phiền não và pháp lành, nhưng không dứt bỏ những điều đáng dứt, đáng tu, cho nên tuy nguyện đều dứt đều tu, mà không trái với Tam-muội vô nguyện, tuy nguyện đều độ vô lượng hữu tình, nhưng không còn năng độ, sở độ, nên có thể thuận theo Không, vô tướng.

Như kinh nói, như thế diệt độ vô lượng chúng sinh, mà thật không có chúng sinh nào được diệt độ, cho đến nói rộng phát tâm như thế không thể suy nghĩ bàn luận, là nói về tướng thuận lý phát tâm, tùy sự phát tâm có nghĩa có thể lui sụt, người tánh bất định cũng có khả năng phát, thuận lý phát tâm là không lui sụt, người có tánh Bồ-đề, mới có khả năng phát được, phát tâm như thế công đức vô biên, nếu các Đức Phật suốt kiếp giảng nói công đức kia còn không thể hết, tướng chánh nhân nói lược như thế, kế là nói về trợ nhân, trợ nhân có nhiều thứ, nay chỉ nói mười niệm của bậc hạ, trong kinh này nói mười niệm của bậc hạ, trong một lời gồm có hai nghĩa, gọi là nghĩa hiển rõ và nghĩa ẩn mật. Nghĩa ẩn mật thì nói theo cặp thứ ba là thuần quả của Tịnh độ công đức

mười niệm của bậc hạ.

Đây như ngài Di-lặc phát hỏi lời kinh. Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: Như Phật đã nói công đức lợi ích của Phật A-di-đà, nếu niệm mười niệm nối nhau không xen hở thì liền được vãng sinh, phải là niệm nào? Phật dạy chẳng phải niệm phàm phu, chẳng phải niệm không lành, chẳng phải niệm lẫn lộn kiết sử, đầy đủ niệm như thế, liền được vãng sinh về cõi nước An dưỡng. Hễ có mười niệm, mười niệm là:

1. Đối với tất cả chúng sinh thường sinh lòng từ, đối với tất cả chúng sinh không hủy hạnh của họ, nếu bỏ hạnh kia, thì không bao giờ được vãng sinh.

2. Đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm bi, dứt ý tàn hại.

3. Phát tâm hộ pháp, không tiếc thân mạng đối với tất cả chúng sinh không sinh chê bai.

4. Đối với hạnh nhẫn nhục sinh tâm quyết định.

5. Tâm sâu xa thanh tịnh, không nhiễm lợi dưỡng.

6. Phát tâm Nhất thiết chủng trí, ngày ngày thường nhớ nghĩ, không hề lơ là...

7. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm tôn trọng, dứt ý ngã mạn, lời nói nhún nhường.

8. Đối với lời bàn luận ở đời, không sinh tâm chấp đắm.

9. Gần gũi giác ý, khởi sâu các thứ nhân duyên gốc lành, xa lìa tâm ồn ào tán loạn.

10. Chánh niệm quán Phật, dứt bỏ các căn.

Giải thích rằng: Mười niệm như thế, chẳng phải của phàm phu nên biết là của Bồ-tát Sơ địa trở lên, chính là có thể đầy đủ mười niệm, đối với thuần Tịnh độ là nhân của bậc hạ, đây là mười niệm của nghĩa ẩn mật. Nói về tướng mười niệm của nghĩa hiển rõ thì nói theo đối thứ tư của Tịnh độ.

Như Quán kinh dạy: Hạ phẩm hạ sinh là, hoặc có chúng sinh gây ra nghiệp không lành, năm tội nghịch, mười điều ác, đủ các không lành, đến khi sắp qua đời gặp Thiện tri thức, nói pháp mầu cho họ nghe, dạy họ niệm Phật, nếu người không thể niệm, thì nên xưng niệm Phật Vô Lượng Thọ dốc lòng như thế, không để dứt tiếng niệm, đủ mười niệm xưng Nam-mô Phật, xưng danh hiệu Phật ở trong mỗi niệm, trừ được tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, sau khi qua đời, liền được vãng sinh. Cho đến nói rộng, thế nào gọi là dốc lòng? Sao gọi là mười niệm nối nhau? Ngài La Thập nói thí như có người ở chỗ hoang vắng, gặp bọn cướp hung ác, quơ mác rút gươm, gặp liền muốn giết người kia bỏ chạy

thấy qua con sông, nếu không qua sông, thì chiếc đầu khó toàn, khi ấy chỉ nghĩ đến phương tiện qua sông, ta đến bờ kia, mặc áo qua sông, cởi áo qua sông, nếu mặc y nạp sợ qua không được, nếu cởi áo nạp, sợ không rảnh, chỉ có niệm này, không còn có ý khác, nên nghĩ sông kia tức là một niệm, chỉ mười niệm này không sinh niệm khác, hành giả cũng thế, nếu niệm danh hiệu Phật, nếu niệm tướng Phật v.v... niệm Phật không xen hở, cho đến mười niệm, dốc lòng như thế gọi là mười niệm, đây là nói về tướng mười niệm.

Nay loại kinh hai quyển này nói về mười niệm, đủ hai nghĩa ẩn mật và hiển rõ, nhưng trong đó nói về mười niệm, ít có sự khác với ý của Quán kinh nhau. Trong Quán kinh kia, không trừ năm tội nghịch, chỉ trừ tội chê bai phương đẳng. Nay trong hai quyển kinh này nói rằng trừ năm tội nghịch, chê bai chánh pháp, trái nhau như thế. Thế nào là chung? Kinh kia nói tuy gây năm tội nghịch, nương vào giáo pháp Đại thừa được sám hối. Trong kinh này nói không sám hối, do nghĩa này mà không trái nhau. Tướng nhân duyên nói lược như thế, ở trên đã nói hai môn nhân quả, hiệp lại rút gọn thành tông thể thứ hai đã xong. Thứ ba là phần chia theo người, trong đó có hai: Trước phân chia theo ba nhóm chúng sinh sau phân chia theo, chúng sinh bốn nghi phân biệt.

Trước nói về ba nhóm, như trong kinh nói rằng, có chúng sinh kia sinh ở nước kia, đều trụ trong nhóm chánh định. Nghĩa là thế nào? Trong cõi Phật kia, không có các nhóm tà và nhóm bất định, ba nhóm ấy tướng của nó thế nào, nghĩa này đầy đủ như Luận Bảo Tánh nói, nói lược trong tất cả cõi chúng sinh, có ba loại chúng, ba chúng gồm, một là cầu hữu, hai là xa lìa cầu hữu, ba là không cầu hai thứ kia. Cầu hữu có hai thứ: Một là chê bai đạo giải thoát, không có tánh Niết-bàn, thường cầu ở thế gian, không cầu chứng Niết-bàn; hai là đối với Phật pháp, giống như Xiển-đề, chê bai Đại thừa, cho nên Kinh Bát Tạng Bất Giảm chép: nếu có Tỳ-kheo cho đến Ưu-bà-di, hoặc khởi nhất kiến hoặc khởi nhị kiến, các Đức Phật Như lai chẳng phải là Thế tôn của họ, những người như thế chẳng phải đệ tử ta.

Xa lìa cầu hữu cũng có hai: Một là không cầu đạo phương tiện, hai là có cầu đạo phương tiện. Không phương tiện cũng có hai loại: Một là nhiều thứ ngoại đạo các loại tà chấp, hai là ở trong Phật pháp, cùng thực hành ngoại đạo, tuy tin Phật pháp nhưng chấp điên đảo, như Độc tử... cho đến nói rộng, hạng có phương tiện cũng có hai, nghĩa là nhị thừa, không cầu hai hạng kia, nên gọi là thứ nhất, chúng sinh lợi căn và các Bồ-tát v.v... lại kia cầu có chúng sinh người nhất xiển đề và trong Phật pháp

cùng một vị xiển đề, gọi là chúng sinh nhóm tà định, lại trong chúng sinh xa lìa cầu hữu, chúng sinh đọa không phương tiện cầu đạo, gọi là chúng sinh nhóm bất định, Thanh văn, Bích-Chi-Phật và không cầu hai hạng kia gọi là chúng sinh nhóm Chánh định. Luận nói như thế. Trong đây chia chung nhị thừa, Bồ-tát thành nhóm chánh định nhưng địa vị chưa phân biệt và địa phần bằng nhau, những địa vị nào vào chánh định, dựa vào những nghĩa nào gọi là nhóm chánh định, quyết định dứt bỏ gốc lành không lui sụt, như thế gọi là nghĩa nhóm chánh định.

Nói về địa vị kia là y theo Luận Du-già chép: Nhóm Chánh định có hai hạng: Một là Nhóm chánh định do bản tánh; hai là Nhóm chánh định do tu thành, nếu nói theo đây thì trong năm thứ chủng tánh, người có chủng tánh Bồ-tát, từ vô thủy đến nay không gây ra năm tội nghịch và dứt gốc lành, đây gọi là nhóm chánh định do bản tánh, tánh nhị thừa kia và tánh bất định đã gây ra năm tội nghịch và dứt gốc lành, khi dứt gốc lành đọa vào nhóm tà định, sau khi gốc lành nối nhau chưa thú nhập là nhóm bất định, khi đã thú nhập chính là phân biệt ba phẩm, nếu người kia xưa nay hạ phẩm gốc lành đã vào rồi, cho đến đước pháp cũng là bất định. Vào vị đẳng pháp mới là chánh định, luận nói Đảnh không dứt gốc lành, nếu kia có trung phẩm gốc lành xưa nay thì vào đước, cho đến đước pháp cũng là bất định, nhập đỉnh pháp vị mới là chánh định, luận nói Đỉnh không dứt gốc lành, nếu xưa nay ở gốc lành trung phẩm liền thú nhập, đến khi đốt đước pháp gọi là chánh định, như xưa nay ở thượng phẩm gốc lành mà vào, thì khi mới vào liền nhập chánh định.

Như Luận Du-già nói, nếu có người an trụ ở hạ phẩm gốc lành mà vào, nên biết hạ phẩm gọi là có xen hở, chưa thể không xen hở, chưa đước thanh tịnh hoàn toàn, như có người an trụ ở gốc lành trung phẩm mà vào, nên biết thượng căn gọi là không xen hở, đã có thể không xen hở, đã thanh tịnh hoàn toàn, như thế là tướng đã thú nhập. Lại luận kia nói rằng: nương phẩm hạ này, thuận phần giải thoát gốc lành. Đức Phật dạy nếu thế gian đầy đủ chánh kiến thượng phẩm, tuy trải qua ngàn phen sinh tử vẫn không đọa đường ác. Văn này chính là nói xưa nay an trụ gốc lành thượng phẩm mà vào, mới vào hạ phẩm khi thuận phần giải thoát gốc lành liền đước không lui sụt không xen hở. Lại Luận kia nói nếu khi người an trụ hạ phẩm đã thành thực, còn qua lại đường ác, hoặc bậc trung hoặc bậc thượng không đến đường ác. Văn này chính là nói xưa nay an trụ hạ phẩm gốc lành mà vào, dù phải đốt đước pháp, địa vị hạ phẩm thành thực, chưa đước không lui sụt, cho nên đến đường ác, xét về địa vị Nhị thừa để phân biệt, nếu là người chủng tánh bất định, thẳng

đến Đại thừa mà vào đến chủng tánh vị mới là chánh định.

Như Luận Khởi Tín chép: nương vào những người nào, tu những hạnh gì mà được tín thành tựu, có thể phát tâm nên gọi là nương vào nhóm chúng sinh bất định có năng lực huân tập gốc lành, tin vào nghiệp quả báo, có thể sinh khởi mười điều lành, nhằm chán khổ sinh tử mong cầu Bồ-đề Vô thượng, được gặp ngay Phật, tự mình cúng dường, tu hành tín tâm, thắng một muôn kiếp, tín tâm thành thực, các Đức Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc dùng đại bi có thể tự phát tâm, hoặc vì chánh pháp sắp diệt, do nhân duyên hộ pháp, có thể tự phát tâm, nếu tín tâm này thành tựu, thì người được phát tâm vào nhóm chánh định, cuối cùng không lui sụt, gọi là trụ trong hạt giống Như lai, tương ứng chánh nhân, đây gọi là người trụ hạt giống Như lai, nên gọi là đã vào địa vị tập chủng tánh, tức là thập giải, một là Phát tâm trụ, ở trước đã nói, đều nói về nhóm chánh định do tu thành.

Nếu xưa nay chủng tánh Bồ-tát, thắng đến Đại thừa mà thú nhập. Khi mới thú nhập, được không bao giờ lui sụt, không do nghiệp lực đọa vào đường ác. Nói theo đây thì vào địa vị Thập tín liền được không lui sụt, không như trước đã nói người tánh bất định, các thuyết như thế đều là côi uest, nếu người được sinh về Tịnh độ kia, định tánh nhị thừa, thì không được vãng sinh. Người ba phẩm trong tánh bất định, người phát tâm Đại thừa đều được vãng sinh về Tịnh độ. Khi sinh côi kia liền vào chánh định do năng lực duyên bên ngoài giữ gìn, phân biệt ba nhóm lược nghĩa như thế. Kế nói về có bốn điều chúng sinh nghi ngờ, trong đó trước nói nghi ngờ về cảnh giới, sau đó nói tướng nghi ngờ. Cảnh sở nghi, như văn dưới nói, nếu có chúng sinh, tu các công đức với tâm nghi ngờ, nguyện sinh về nước kia, không rõ trí Phật, trí bất tư nghì, trí bất khả xưng, quảng trí Đại thừa, thắng trí vô đẳng vô luân tối thượng, đối với các trí này nghi ngờ không tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập gốc lành, nguyện sinh về Tây phương.

Các chúng sinh này, sinh vào cung điện kia trong năm trăm năm không nghe Tam Bảo nên gọi là biên địa, cho đến nói rộng. Đây là nói trí Phật, là câu nêu chung, bốn câu sau nói riêng bốn trí. Trí bất tư nghì là trí thành sở tác, trí này có thể làm việc không thể nghĩ bàn, nghĩa là như thân không quá trượng sáu, mà không thể thấy đỉnh, không tăng thêm lỗ lông nhưng khắp thế giới mười phương, một niệm xưng danh hiệu Phật, liền diệt hẳn tội nặng trong nhiều kiếp, mười niệm niệm đức có công năng sinh quả báo thù thắng cảnh giới ở ngoài. Các việc như thế, chẳng phải người hạ trí suy lường nổi, cho nên gọi là trí bất tư nghì.

Trí bất khả xưng là trí Diệu Quán Sát, trí này quán sát cảnh giới bất khả xưng, nghĩa là tất cả pháp đều như mộng huyễn, chẳng có chẳng không, lìa lời nói, bật suy nghĩ, chẳng chạy theo ngôn ngữ có thể xưng lượng nên gọi là trí bất khả xưng.

Quảng trí Đại Thừa là trí bình đẳng tánh, trí này rộng lớn, không hướng về Tiểu thừa, nghĩa là sống với vô ngã, cho nên đều là ngã, vì đều là ngã cho nên gom nhiếp tất cả, dùng trí lực đồng thể này chở hết vô biên hữu tình, đều khiến đồng đến Bồ-đề Vô thượng, nên gọi là quảng trí Đại thừa. Trí Vô đẳng vô luân tối thượng thắng, chính là Trí Đại Viên Cảnh của Như lai, mới chuyển bốn thức, mới về nguồn tâm, tất cả các cảnh đều soi chiếu nên gọi là trí Đại Viên Cảnh. Trong một trí này có năm việc cao quý, như thân giải thoát, nhị thừa đồng được, cảnh trí như thế chính là pháp thân, Nhị thừa không có, nên gọi là vô đẳng, đây là một sự cao siêu, như ba trí trước, Bồ-tát dần dần được. Trí Đại Viên Cảnh chỉ có Phật mới mau chứng, lại không có loài khác nên gọi là Vô Luân, là sự thù thắng thứ hai. Quá hơn trí bất tư nghì là tối thắng, vượt lên trên trí bất khả xưng, rộng lớn đối với Quảng trí Đại Thừa là thù thắng.

Đây là sự cao siêu thứ ba, thứ tư và thứ năm, nên gọi là Trí vô đẳng vô luân tối thượng thắng, là nói lên sự mê cảnh của bốn nghi, kể nói về bốn tướng nghi ngờ, nghĩa là như có một tánh chẳng ngay thẳng, tà vạy ngã mạn, người ít đạo tâm, không rõ bốn trí, mà khởi bốn nghi: Một là Nghi trí Thành Sở tác, việc làm ra, nghĩa là nghe kinh nói niệm Phật mười niệm được vãng sinh Tịnh độ, do không hiểu rõ nên sinh nghi mà nói, như kinh Phật nói nghiệp đạo thiện ác, tội phước vô cực, người tội nặng thì kéo đi trước, lý số không sai, làm sao một đời không làm việc ác, không gây điều ác chỉ nhờ mười niệm mà diệt được các tội liền được vãng sinh vào nhóm chánh định, xa lìa ba đường cuối cùng được không lui sụt ư? Lại không có từ xưa đến nay khởi các phiền não trói buộc trong ba cõi, mà tướng ràng buộc, làm sao không dứt hai vòng phiền não, nhờ vào mười niệm mà ra khỏi ba cõi ư?

Vì đối trị nghi ngờ tư duy tà vạy như thế, cho nên gọi là trí Bất tư nghì muốn hiển bày trí Phật có năng lực đại thế, có thể lấy gần làm xa, lấy xa làm gần, lấy nặng làm nhẹ, lấy nhẹ làm nặng tuy thật có việc ấy mà chẳng phải cảnh suy nghĩ bàn luận, cho nên phải kính tín, kinh nói không thể để tự cạn thức tư duy, nếu muốn sinh lòng tin phải dùng thí dụ, thí như ngàn năm kiếm củi chất cao trăm dặm, cho lửa đốt một ngày đều hết, nên có thể nói ngàn năm chất củi thế mà chỉ một ngày đốt hết,

lại như người què tự gắng sức bước đi, phải trải qua nhiều ngày mới đi được một do-tuần, nếu nhờ thuyền người khác, nhờ gió thuyền chạy, trong một ngày có thể đi ngàn dặm. Có thể nói với thân người què, làm sao một ngày đi được ngàn dặm ư? Nhờ người thuyền trưởng ở thế gian, còn làm việc bật suy nghĩ như thế, huống chi thế lực của Như lai Pháp Vương, mà không thể làm được việc không thể nghĩ bàn ư?

Đó là đối trị điều nghi thứ nhất. Nghi thứ hai là nghi cảnh sở quán của trí diệu quán sát, như cũng trong kinh ấy, khen Trí Phật rằng. Các pháp Diệu quán sát, chẳng phải có chẳng phải không, xa lìa hai bên, mà không chấp chặt trong đó, do không hiểu rõ nên sinh tâm nghi ngờ mà nói rằng, như nay hiện thấy khi cân vật, vật nặng thì chìm, vật nhẹ thì nổi, nếu bảo nhẹ mà không nổi, nặng mà không chìm, người nói như thế là nói lời vô nghĩa, pháp nhân duyên sinh nên biết cũng như thế, nếu thật chẳng không thì bị rơi vào có, như kia chẳng có thì rơi vào không, nếu nói chẳng không mà không được có, chẳng có mà không rơi vào không, thì giống như nặng mà không chìm, nhẹ mà không nổi, nên biết thuyết này có lời không thật, cân lường như thế thì rơi vào hai bên, hoặc chấp theo người khác thật có chẳng phải không, thì rơi vào bên tăng thêm, hoặc chấp duyên sinh không thật có, thì rơi vào bên giảm bớt, hoặc tính theo thế tục có chân không, gánh cả hai bên, thì sa vào luận trái nhau. Hoặc chấp chẳng phải có chẳng phải không, chấp vào một bên, ở giữa, thì rơi vào luận ngu si.

Như Thích luận nói rằng: Chẳng phải có chẳng phải không, là luận ngu si, vì trụ các tà chấp cân lường này, cho nên an lập trí bất khả xưng, muốn nói về các pháp sâu xa, lìa ngôn ngữ, dứt suy nghĩ, không thể tìm cách suy nghĩ cân lường, như nói y theo nghĩa. Như Luận Dugia chép: Thế nào là pháp sâu xa khó thấy, nghĩa là tất cả pháp. Vì sao? Vì pháp sâu xa khó thấy bậc nhất chính là tự tánh các pháp, dứt bỏ nói suông, bật đường ngôn ngữ, nhưng do lời nói là y chỉ, mới có thể y cứ, có thể quán, có thể biết, cho nên các pháp sâu xa khó thấy, chính là đối trị điều nghi thứ hai. Nghi thứ ba là nghi trí, đặng là y bằng nhau, như nghe kinh nói, tất cả chúng sinh, tất cả đều hữu tâm, hễ người có tâm, thì được Bồ-đề, do không hiểu rõ nên sinh nghi mà nói.

Nếu Như lai và chúng sinh đều có Phật tánh, đều độ tất cả hữu tình khiến thành Bồ-đề Vô thượng, tức chúng sinh tuy nhiều nhưng có rốt cuộc, kia là Phật cuối cùng, không có đức lợi tha, không có người được hóa độ nên không thành Phật, công đức thiếu sót, có công không giáo hóa, không phải đạo lý, thiếu công đức thành Phật, cũng không

ngoài chỗ ấy, làm việc tà vạy này là chê bai Đại thừa, không tin ý bình đẳng rộng lớn, là để đối trị bệnh chấp nghi nhỏ hẹp như thế, đây chính là an lập quảng trí Đại thừa, muốn nói về trí Phật, không chỗ nào vận chuyển, không nơi nào không chuyên chở, tất cả đều vào vô dư, nên nói Đại thừa, sự chuyên chở kia không bắt đầu, không bờ mé, nên gọi là quảng trí. Sở dĩ như thế vì hư không vô biên nên chúng sinh không số lượng, ba đời không bờ mé, sinh tử không đầu cuối, chúng sinh đã vô thí vô chung, các Đức Phật cũng không có thí không có chung. Nếu các Đức Phật có sự mới thành là trước đó không Phật, tức không có giáo pháp, không dạy không nghe, không nói, không tu tập mà được thành Phật là không nhân có quả, chỉ có lời nói không thật, do lý này nên các Đức Phật vô thí, tuy thật vô thí, nhưng chẳng phải một Đức Phật vốn không làm phàm phu, tuy đều phát xuất từ phàm phu mà biến chuyển từ vô thí, nên biết chúng sinh vô chung.

Tuy thật vô chung, nhưng chẳng phải một con người sau này không thành Phật, tuy mọi người về sau sẽ thành Phật mà thay đổi vô chung. Cho nên phải tin trí bình đẳng tánh, không chỗ nào không chừng độ, mà chẳng phải hữu hạn, cho nên an lập quảng trí Đại thừa, đây là đối trị điều nghi thứ ba. Nghi thứ tư gọi là nghi trí Đại viên cảnh, nghĩa chiếu khắp tất cả cảnh. Vì sao sinh nghi, nghĩa là nói rằng, hư không vô biên nên thế giới cũng vô biên, thế giới vô biên nên chúng sinh cũng vô biên, chúng sinh vô biên nên tâm hành khác nhau. Căn dục tánh... đều là không bờ mé.

Vì sao như thế, có thể biết suốt hết, vì phải tu tập dần dần mới biết, vì là không tu bỗng nhiên đốn chiếu. Nếu người không tu tập mà đốn chiếu tất cả thì phàm phu đều được quán chiếu, tất cả không tu nên nhân chẳng khác, nếu là tiệm tu, cuối cùng dần dần được tận tri, là tất cả cảnh chẳng phải không bờ mé, vô biên hữu tận, không phải lý tiến lùi như thế, đều không thành lập. Vì sao được chiếu khắp gọi là Nhất thiết chủng trí, để đối trị hai cửa nghi ngờ như thế, nên an lập thắng trí vô đẳng vô luân tối thượng, muốn nói trí đại viên cảnh như thế, vượt qua ba trí, nhưng loại vô đẳng, thì ngoài hai đế, riêng ở không hai, hai cửa hai tiêu biểu, rộng lớn mà không cửa, chỉ cần tin tưởng, không thể tỉ lượng, nên gọi là thắng trí vô đẳng vô luân tối thượng. Vì sao khởi tâm kính tin trí này. Thí như thế giới vô biên, không ngoài vô biên, muôn cảnh vô hạn như thế, gồm nhập vào trong nhất tâm, trí Phật là tướng, quy về nguồn tâm, trí và nhất tâm, đồng nhau không hai, vì thí giác tức đồng bốn giác, nên chẳng phải một cảnh, ra ngoài trí này, do đạo lý

này vô cảnh bất tận mà chẳng hữu hạn. Dùng trí vô hạn, chiếu cảnh vô biên.

Như Luận Khởi Tín chép: Tất cả cảnh giới, xưa nay nhất tâm xa lìa tướng niệm. Do chúng sinh vọng thấy cảnh giới, nên tâm có chừng hạn, dùng vọng khởi tướng niệm, không xứng pháp tánh, không thể quyết định. Các Đức Phật Như lai xa lìa tướng thấy nhưng chẳng chỗ nào không thấy khắp, tâm chân thật chính là tánh của các pháp, tự thể hiện rõ tất cả pháp luống dối, có dụng đại trí, vô lượng phương tiện, tùy các chúng sinh chỗ đáng được hiểu thấy đều mở bày nghĩa tất cả pháp, cho nên được gọi là trí Nhất thiết chủng, chính là Thắng Trí Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng, không thấy chỗ nào mà, chẳng chỗ nào không thấy, như thế để đối trị điều nghi thứ tư. Nhưng nếu ý bất đắc, như nói lấy nghĩa, hữu biên hay vô biên, đều không khỏi lỗi, nường vào cửa hai bên chẳng thật có, giả nói nghĩa vô biên. Nếu người không quyết định bốn nghi như thế, tuy sinh về nước kia mà ở biên địa, nếu có người kia tuy chưa hiểu rõ cảnh bốn trí đã nói ở trước mà có thể tự khiên nhường, chưa mở tâm mắt, trông mong Đức Phật, một bề tin phục, những người như thế, tùy phẩm hạnh của họ mà được vãng sinh Tịnh độ, không ở biên địa, người sinh tâm chấp vào hai bên là một loại khác, chẳng thuộc chín phẩm. Do đó không nên vọng sinh nghi ngờ.

